

Số: 59 /QB-MNNH

Ninh Hiệp, ngày 25 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Trường Mầm non Ninh Hiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NINH HIỆP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2022 ngày 25 tháng 04 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gia Lâm;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường Mầm non Ninh Hiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Mầm non Ninh Hiệp (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Ninh Hiệp thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Trường ban TTND;
- CBGVNV nhà trường;
- Lưu: VT.



Lê Thị Thanh Minh

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số : 59/QĐ- MNH ngày 25/4/2023 của Trường mầm non Ninh Hiệp)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.784.246.000	1.784.246.000		
1	Lệ phí	117.877.000	117.877.000		
	Học phí	354.125.000	354.125.000		
2	Thu khác	1.666.369.000	1.666.369.000		
+	Chăm sóc bán trú	540.272.000	540.272.000		
+	Thứ bảy	439.273.000	439.273.000		
+	Trang thiết bị phục vụ bán trú	91.000.000	91.000.000		
+	Học phẩm	93.700.000	93.700.000		
+	Thu khác (thu hè)	502.124.000	502.124.000		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để	1.862.355.231	1.862.068.218		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.862.355.231	1.862.068.218		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.862.355.231	1.862.068.218		
+	Học phí	170.088.179	170.088.179		
+	Thu khác	1.692.267.052	1.691.980.039		
-	Chăm sóc bán trú	540.080.000	540.080.000		
-	Thứ bảy	438.544.739	438.544.739		
-	Trang thiết bị phục vụ bán trú	89.622.000	89.622.000		
-	Học phẩm	92.596.300	92.596.300		
-	Thu khác (thu hè)	531.137.000	531.137.000		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.599.053.000	6.599.053.000		
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.599.053.000	6.599.053.000		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.212.000.000	6.212.000.000		
+	Tiền lương	2.331.151.471	2.331.151.471		
+	Tiền công	614.088.975	614.088.975		
+	Phụ cấp lương	1.256.426.228	1.256.426.228		
+	Các khoản đóng góp	764.758.003	764.758.003		
+	Các khoản TT khác cho cá nhân	98.600.000	98.600.000		
+	Thanh toán dịch vụ công cộng	67.792.843	67.792.843		
+	Vật tư văn phòng	62.950.000	62.950.000		
+	Thông tin tuyên truyền liên lạc	7.409.465	7.409.465		
+	Thanh toán công tác phí	27.390.000	27.390.000		
+	Chi phí thuê mướn				
+	Sửa chữa tài sản phục vụ CM	8.162.000	8.162.000		
+	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	880.991.870	880.991.870		
+	Mua sắm tài sản				
+	Chi khác	92.279.145	92.279.145		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	387.053.000	387.053.000		
+	Tiền lương	220.991.000	220.991.000		
+	Chi khác	166.062.000	166.062.000		
+	Các khoản đóng góp				
+	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				

Ngày 25 tháng 4 năm 2023
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Thanh Minh